

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN NGÀY 30/06/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 14
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	16 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Trọng Quân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
Ông Phạm Duy Hưng (*)	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023
Ông Nguyễn Đỗ Lăng (*)	Thành viên	
Bà Phạm Hoài Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Quân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/08/2023
Ông Nguyễn Đỗ Lăng (*)	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/08/2023
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	

(*) Ngày 28/06/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công An đã ra quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với 05 bị can về tội “Thao túng thị trường Chứng khoán” đối với: Ông Nguyễn Đỗ Lăng - Tổng Giám đốc Công ty, Ông Phạm Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty, Bà Huỳnh Thị Mai Dung là Vợ của Ông Nguyễn Đỗ Lăng, Bà Nguyễn Thị Thanh - Kế toán trưởng Công ty và Bà Phạm Thị Đức Việt - Phó phòng dịch vụ khách hàng Công ty. Cơ quan chức năng đang trong quá trình điều tra và đến nay chưa có kết luận chính thức nào liên quan đến vụ án khởi tố nêu trên.

Phụ trách kế toán của Công ty là Bà Lã Thị Quy bổ nhiệm từ ngày 29/06/2023. Kế toán trưởng là Bà Nguyễn Thị Thanh miễn nhiệm ngày 09/08/2023.

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2023 đến ngày 08/08/2023 là Ông Nguyễn Đỗ Lăng. Từ ngày 09/08/2023 đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Quân - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Quân

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2023

Số: 942/2023/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
V/v: Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 09 năm 2023, từ trang 6 đến trang 41, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2023, khoản mục “Tạm ứng” Mã số 131 trên Bảng cân đối kế toán bao gồm khoản tạm ứng cho các cá nhân là nhân viên công ty với mục đích tạm ứng kinh doanh số tiền 172,2 tỷ đồng. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng nêu trên. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản tạm ứng trên là những khoản có thể gây ra tổn thất tài sản và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của số dư các khoản tạm ứng nêu trên cũng như mục đích sử dụng của các khoản tạm ứng này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 34.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, ngày 28/06/2023 cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với 05 cá nhân Công ty về tội “Thao túng thị trường Chứng khoán” xảy ra tại Công ty Cổ phần Chứng khoán châu Á - Thái Bình Dương (APS), Công ty Cổ phần Đầu tư châu Á - Thái Bình Dương (API) và Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam (IDJ). Trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2023, Công ty đang ghi nhận giá trị mã cổ phiếu API là 83,7 tỷ đồng và mã cổ phiếu IDJ là 133,1 tỷ đồng. Cơ quan chức năng đang trong quá trình điều tra và đến nay chưa có kết luận chính thức. Tuy nhiên, các mã chứng khoán này của Công ty hiện không giao dịch được theo yêu cầu của Cơ quan chức năng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 và năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 12/08/2022 và ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2022 tại ngày 28/03/2023.



Nguyễn Minh Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0294-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		780.781.532.791	913.402.491.446
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		603.280.306.748	902.648.239.412
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6	145.936.274.058	160.685.729.956
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>84.936.274.058</i>	<i>39.685.729.956</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>61.000.000.000</i>	<i>121.000.000.000</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	517.445.281.838	564.311.999.189
Các khoản cho vay	114	7	115.034.960.542	179.162.860.374
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(10.195.406.250)	(10.195.406.250)
Các khoản phải thu	117	8	1.070.979.822	2.166.162.700
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>1.070.979.822</i>	<i>2.166.162.700</i>
Trả trước cho người bán	118	8	3.146.506.259	3.049.896.259
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	6.411.855.246	6.664.355.246
Các khoản phải thu khác	122	8	5.627.454.940	5.867.946.443
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	15	(181.197.599.707)	(9.065.304.505)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		177.501.226.043	10.754.252.034
Tạm ứng	131	9	172.752.460.533	774.439.434
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	386.207.087	237.987.372
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	11	39.000.000	39.000.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	16	4.323.558.423	9.702.825.228
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.388.644.967	61.602.482.393
Tài sản cố định	220		10.316.194.393	11.200.032.475
Tài sản cố định hữu hình	221	14	6.490.623.415	6.910.561.501
- Nguyên giá	222		16.237.967.824	16.237.967.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(9.747.344.409)	(9.327.406.323)
Tài sản cố định vô hình	227	13	3.825.570.978	4.289.470.974
- Nguyên giá	228		9.398.527.488	9.398.527.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(5.572.956.510)	(5.109.056.514)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		660.000.000	660.000.000
Tài sản dài hạn khác	250		48.412.450.574	49.742.449.918
Chi phí trả trước dài hạn	252	10	347.717.933	488.234.684
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		32.279.848.056	34.951.692.990
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	12	15.784.884.585	14.302.522.244
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		840.170.177.758	975.004.973.839

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		15.511.747.692	13.822.653.177
Nợ phải trả ngắn hạn	310		10.880.747.692	9.191.653.177
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		625.564.924	564.556.158
Phải trả người bán ngắn hạn	320	17	208.379.972	671.879.972
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		827.900.000	1.102.490.320
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	5.961.753.317	1.757.627.570
Phải trả người lao động	323		859.485.444	1.157.035.675
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		337.913.906	261.412.962
Chi phí phải trả ngắn hạn	325		453.989.246	1.719.957.207
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	18	1.215.262.894	1.566.195.324
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		390.497.989	390.497.989
Nợ phải trả dài hạn	340		4.631.000.000	4.631.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	346		4.631.000.000	4.631.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		824.658.430.066	961.182.320.662
Vốn chủ sở hữu	410		824.658.430.066	961.182.320.662
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	843.759.450.000	843.759.450.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		830.000.000.000	830.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		830.000.000.000	830.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	411.2		13.759.450.000	13.759.450.000
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		2.868.000.000	2.868.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	417	19.1	(21.969.019.934)	114.554.870.662
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		107.150.372.289	254.361.642.621
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(129.119.392.223)	(139.806.771.959)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		840.170.177.758	975.004.973.839



Nguyễn Thu Phương
Người lập biểu



Lê Thị Quy
Phụ trách kế toán





Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	20.1	83.000.000	83.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	21	291.386.200.000	307.509.270.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	23	30.430.000	30.430.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	22	217.358.190.000	217.358.190.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		2.682.124.180.000	2.795.030.770.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		2.474.493.170.000	2.591.076.230.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		90.956.200.000	90.659.840.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		79.030.000.000	79.030.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		10.160.000	10.160.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		37.634.650.000	34.254.540.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24	65.038.130.000	62.320.630.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		65.038.130.000	62.320.630.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		33.733.290.000	35.086.440.000
Tiền gửi của khách hàng	026	25	205.556.983.298	179.207.948.667
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	027		205.293.681.649	178.984.163.750
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		49.314.278	42.740.336
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>029.1</i>		<i>45.569.505</i>	<i>41.616.429</i>
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>029.2</i>		<i>3.744.773</i>	<i>1.123.907</i>
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		213.987.371	181.044.581

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	26	205.342.995.927	179.026.904.086
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	031.1		204.883.181.337	178.791.209.793
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		459.814.590	235.694.293
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		213.987.371	181.044.581



Nguyễn Thu Phương
Người lập biểu



Lê Thị Quy
Phụ trách kế toán



Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		345.283.610.712	108.657.025.601
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		31.285.162.762	59.076.892.588
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2		313.300.302.000	49.579.863.913
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		698.145.950	269.100
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		1.759.013.697	607.890.398
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		7.794.364.087	8.993.192.502
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		4.743.378.213	8.407.633.113
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		598.092.752	428.297.776
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		257.454.545	31.773.991.830
Cộng doanh thu hoạt động		27	360.435.914.006	158.868.031.220
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		302.465.847.243	525.907.989.269
Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1		2.524.769.913	29.109.672.195
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2		299.941.077.330	496.798.317.074
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	(2.352.599.826)
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		3.919.933.304	6.150.545.444
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		607.688.866	538.923.017
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		39.910.870	123.080.204
Chi phí các dịch vụ khác	32		5.044.491	5.401.606
Cộng chi phí hoạt động		40	307.038.424.774	530.373.339.714
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42		162.800.825	406.268.516
Doanh thu khác về đầu tư	44		-	2.040.579.203
Cộng doanh thu hoạt động tài chính		50	162.800.825	2.446.847.719
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52		275.602.852	441.585.998
Cộng chi phí tài chính		60	275.602.852	441.585.998
CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	28	181.193.073.409	10.339.106.853
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		(127.908.386.204)	(379.839.153.626)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71		124.776.310	51.347
Chi phí khác	72		-	415.000.003
Cộng kết quả hoạt động khác	80		124.776.310	(414.948.656)
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		(127.783.609.894)	(380.254.102.282)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(141.142.834.564)	66.964.350.879
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		13.359.224.670	(447.218.453.161)
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	29	8.740.280.702	(75.967.874.277)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		6.068.435.768	13.475.816.356
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		2.671.844.934	(89.443.690.633)
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		(136.523.890.596)	(304.286.228.005)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	30	(1.645)	(3.666)
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502	30	(1.645)	(3.666)

Nguyễn Thu Phương
Người lập biểu

Lê Thị Quy
Phụ trách kế toán



Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(127.783.609.894)	(380.254.102.282)
Điều chỉnh cho các khoản	02		172.220.756.314	(2.871.292.902)
- Khấu hao TSCĐ	03		883.838.082	111.459.591
- Các khoản dự phòng	04		172.132.295.202	(2.352.599.826)
- Chi phí lãi vay	06		275.602.852	441.585.998
- Dự thu tiền lãi	08		(1.070.979.822)	(1.071.738.665)
Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		299.941.077.330	496.798.317.074
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		299.941.077.330	496.798.317.074
Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(313.300.302.000)	(49.579.863.913)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(313.300.302.000)	(49.579.863.913)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(45.827.377.648)	(31.853.561.291)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		60.225.942.021	(143.745.003.393)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		64.127.899.832	285.150.954.507
- Tăng (giảm) phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	4.649.000.000
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		2.166.162.700	2.700.656.837
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		252.500.000	(15.086.863.000)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu	39		143.881.503	(28.113.767.683)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(166.598.754.294)	(25.624.537.582)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(1.265.967.961)	(241.720.779)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(7.702.964)	(398.193.381)
- Thuế TNDN đã nộp	43		-	(53.502.758.132)
(-) Lãi vay đã trả	44		(275.602.852)	(320.441.888)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(402.491.234)	(48.353.228.331)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		76.500.944	194.315.576
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(1.864.310.021)	(1.649.528.195)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(297.550.231)	(567.598.811)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(625.522.750)	(4.444.847.036)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		(1.482.362.341)	(2.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(14.749.455.898)	32.239.496.686

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		-	(9.320.099.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		-	(9.320.099.900)
Tiền vay gốc	73		-	4.631.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	4.631.000.000
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(14.749.455.898)	27.550.396.786
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	6	160.685.729.956	159.110.547.162
- Tiền	101.1		39.685.729.956	159.110.547.162
- Các khoản tương đương tiền	101.2		121.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	6	145.936.274.058	186.660.943.948
- Tiền	103.1		84.936.274.058	186.660.943.948
- Các khoản tương đương tiền	103.2		61.000.000.000	-

Nguyễn Thu Phương
Người lập biểu

Lã Thị Quy
Phụ trách kế toán



Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI,
ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023 VND	đến 30/06/2022 VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	568.149.956.020	998.703.515.900
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(262.958.321.640)	(457.848.557.800)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	902.426.838.918	2.166.801.370.016
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(1.180.704.288.705)	(2.930.333.029.529)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách	11	(598.092.752)	(428.297.776)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	18.022.864.382	13.941.618.602
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(17.989.921.592)	(13.971.067.152)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20	26.349.034.631	(223.134.447.739)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	179.207.948.667	499.021.550.474
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	178.984.163.750	498.765.135.364
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	42.740.336	45.218.567
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	181.044.581	211.196.543
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40	205.556.983.298	275.887.102.735
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	205.293.681.649	275.663.588.328
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	49.314.278	41.766.414
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	213.987.371	181.747.993



Nguyễn Thu Phương
Người lập biểu



Lê Thị Quy
Phụ trách kế toán



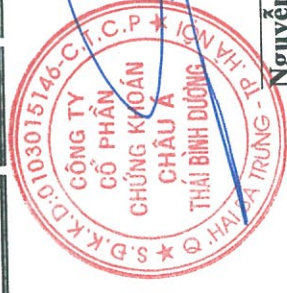

Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2022		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2023		Tại 30/06/2022	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu	1.410.230.639.441	961.182.320.662	(304.286.228.005)	-	1.105.944.411.436	824.658.430.066
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	843.759.450.000	843.759.450.000	-	-	843.759.450.000	843.759.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	830.000.000.000	830.000.000.000	-	-	830.000.000.000	830.000.000.000
- Thẻ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	13.759.450.000	13.759.450.000	-	-	13.759.450.000	13.759.450.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.868.000.000	2.868.000.000	-	-	2.868.000.000	2.868.000.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối	563.603.189.441	114.554.870.662	(304.286.228.005)	-	259.316.961.436	(21.969.019.934)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	243.549.316.306	254.361.642.621	53.488.534.523	-	297.037.850.829	107.150.372.289
- Lợi nhuận chưa thực hiện	320.053.873.135	(139.806.771.959)	(357.774.762.528)	-	(37.720.889.393)	(129.119.392.223)
Cộng	1.410.230.639.441	961.182.320.662	(304.286.228.005)	-	1.105.944.411.436	824.658.430.066


Lã Thị Quy
Phụ trách kế toán




Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2023


Nguyễn Thu Phương
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2023

đến 30/06/2023

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (sau đây được gọi là “Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2006 với vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 VND; Giấy phép thành lập và hoạt động số 37/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPDC-UBCK ngày 28/01/2022 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 830.000.000.000 VND.

Địa chỉ theo Giấy phép điều chỉnh là: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điều lệ Công ty được ban hành năm 2006 và sửa đổi vào ngày 11/01/2022.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 41 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 52 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, các đơn vị trực thuộc của Công ty gồm:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 236/6 Điện Biên Phủ, P.17, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Huế	Số 28 Lý Thường Kiệt, P. Vĩnh Ninh, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN

Năm tài chính hằng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam “VND” và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

3.3 HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán:

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho Công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh toán cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền ký quỹ của nhà đầu tư:

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc uỷ thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán:

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xoá lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thoả mãn một trong số các điều kiện sau:

- (i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- (ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lí do sau đây:
 - Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp đồng phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Giá xuất của các tài sản tài chính này nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thoả mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau khi nhận ban đầu theo giá gốc dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Giá trị hợp lý/ giá trị thị trường của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường/ giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý/ giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của Chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và các chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Giá trị thị trường với chứng khoán bị huỷ hoặc đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Giá trị chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Đối với các tài sản thế chấp là chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các tài sản thế chấp chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (OTC) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian hữu dụng ước tính (Năm)
- Máy móc thiết bị	03 - 06
- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 10 năm.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; Hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Doanh thu

• ***Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:***

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• ***Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:***

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra và khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL.

• ***Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):***

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• ***Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:***

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

• ***Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):***

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

• ***Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:***

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật về doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• ***Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:***

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

• ***Thu nhập hoạt động khác:***

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành, doanh thu khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các loại sau: Doanh thu từ chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái; Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định; Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh; Doanh thu đầu tư khác.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2023

đến 30/06/2023

B09-CTCK

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương: Tổng Giám đốc Công ty là thành viên HĐQT; Kế toán trưởng Công ty là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương.
- Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam: Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam; Tổng Giám đốc Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group: Các con của ông Nguyễn Đỗ Lăng – Tổng Giám đốc Công ty là Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group.
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana: Tổng Giám đốc Công ty là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana.
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Và các bên liên quan khác được công bố trên Báo cáo tình hình quản trị Công ty số 01/2023/BCQT-APEC ngày 18/01/2023.

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ Cổ phiếu	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VNĐ
Của Công ty Chứng khoán	30.030.071	544.221.650.870
- Cổ phiếu	30.030.071	544.221.650.870
Của Nhà đầu tư	633.488.583	7.388.648.108.910
- Cổ phiếu	633.488.583	7.388.648.108.910
	663.518.654	7.932.869.759.780

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	297.368	12.571.928
- Tiền gửi ngân hàng	84.893.452.045	39.658.129.455
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	42.524.645	15.028.573
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	61.000.000.000	121.000.000.000
Cộng	145.936.274.058	160.685.729.956

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2023

đến 30/06/2023

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Các khoản cho vay

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Hoạt động ứng trước tiền bán	11.598.169.993	13.333.763.409
- Gốc cho vay hoạt động Margin	103.436.790.549	165.829.096.965
Cộng	115.034.960.542	179.162.860.374

7.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản FVTPL	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Chứng khoán thương mại	678.844.522.117	517.445.281.838	739.070.464.138	564.311.999.189
Cổ phiếu niêm yết	454.630.336.958	313.029.713.980	517.233.552.402	347.458.248.350
Cổ phiếu đăng ký giao dịch (UPCOM)	2.382.753.720	2.253.388.800	5.480.297	1.881.400
Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	221.831.431.439	202.162.179.058	221.831.431.439	216.851.869.439
Cộng	678.844.522.117	517.445.281.838	739.070.464.138	564.311.999.189

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2023
đến 30/06/2023
B09-CTCK

7.3 Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính

TT	Các loại tài sản tài chính	30/06/2023						01/01/2023				
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	CL đánh giá tại cuối kỳ		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý đầu kỳ	CL đánh giá tại đầu kỳ		Giá trị đánh giá lại	
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm		
A	B	1	2	3 = (2-1)	4 = (1-2)	5 = (1+3-4)	6	7	8 = (7-6)	9 = (6-7)	10 = (6+8-9)	
I	FVTPL											
1	Cổ phiếu niêm yết	454.630.336.958	313.029.713.980	3.810.623.500	145.411.246.478	313.029.713.980	517.233.552.402	347.458.248.350	697.036.716.653	866.812.020.705	347.458.248.350	
	API	188.805.999.564	83.727.072.000	-	105.078.927.564	83.727.072.000	188.805.999.564	94.743.792.000	278.603.384.436	372.665.592.000	94.743.792.000	
	IDJ	169.750.661.000	133.108.928.100	-	36.641.732.900	133.108.928.100	169.750.661.000	126.535.647.700	398.787.137.800	442.002.151.100	126.535.647.700	
	CEO	-	-	-	-	-	104.423.820.000	86.330.000.000	-	18.093.820.000	86.330.000.000	
	NBB	-	-	-	-	-	-	-	4.117.434.000	4.117.434.000	-	
	AAT	2.000.000.000	1.266.000.000	-	734.000.000	1.266.000.000	2.000.000.000	992.000.000	1.570.000.000	2.578.000.000	992.000.000	
	HPG	1.515.436.132	1.715.842.000	200.405.868	-	1.715.842.000	-	-	-	-	-	
	BCG	21.945.487.610	23.358.240.000	1.412.752.390	-	23.358.240.000	-	-	-	-	-	
	CTI	13.914.814.483	14.366.820.000	452.005.517	-	14.366.820.000	-	-	-	-	-	
	DPG	6.392.460.000	5.400.000.000	-	992.460.000	5.400.000.000	-	-	-	-	-	
	MST	2.527.995.000	2.844.000.000	316.005.000	-	2.844.000.000	-	-	-	-	-	
	VSC	16.881.012.034	16.091.647.000	-	789.365.034	16.091.647.000	25.243.697.000	19.561.000.000	-	5.682.697.000	19.561.000.000	
	CRE	2.172.315.053	2.377.035.000	204.719.947	-	2.377.035.000	-	-	-	-	-	
	DXS	4.504.029.000	5.439.279.000	935.250.000	-	5.439.279.000	-	-	-	-	-	
	HCD	2.352.408.129	2.449.195.000	96.786.871	-	2.449.195.000	-	-	-	-	-	
	TCD	17.172.420.000	17.100.330.000	-	72.090.000	17.100.330.000	-	-	-	-	-	
	TNH	2.584.252.093	2.776.950.000	192.697.907	-	2.776.950.000	-	-	-	-	-	
	DTD	2.111.046.860	1.008.375.880	-	1.102.670.980	1.008.375.880	1.477.990.274	395.790.650	8.307.508.149	9.389.707.773	395.790.650	
	Các cổ phiếu niêm yết khác	2.382.753.720	2.253.388.800	-	129.364.920	2.253.388.800	5.480.297	1.881.400	2.354.865	5.953.762	1.881.400	
2	Cổ phiếu chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch (UPCOM)											

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7.3 Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính (Tiếp)

TT	Các loại tài sản tài chính	30/06/2023						01/01/2023			
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	CL đánh giá tại cuối kỳ		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý đầu kỳ	CL đánh giá tại đầu kỳ		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3 = (2-1)	4 = (1-2)	5 = (1+3-4)	6	7	8 = (7-6)	9 = (6-7)	10 = (6+8-9)
3	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	221.831.431.439	202.162.179.058	-	19.669.252.377	202.162.179.058	221.831.431.439	216.851.869.439	-	4.979.562.000	216.851.869.439
	Công ty CP Tập đoàn Apec Group	150.150.000.000	140.708.421.597	-	9.441.578.403	140.708.421.597	150.150.000.000	150.150.000.000	-	-	150.150.000.000
	Công ty Cổ phần Apec Finance	30.030.000.000	30.030.000.000	-	-	30.030.000.000	30.030.000.000	30.030.000.000	-	-	30.030.000.000
	Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng	14.671.098.481	14.671.098.481	-	-	14.671.098.481	14.671.098.481	14.671.098.481	-	-	14.671.098.481
	Công ty CP Dreamworks Việt Nam	6.000.000.000	2.397.326.026	-	3.602.673.974	2.397.326.026	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
	Công ty CP Thép Định Vũ	5.625.000.000	-	-	5.625.000.000	-	5.625.000.000	1.645.438.000	-	3.979.562.000	1.645.438.000
	Công ty CP Đầu tư Bất động sản Hà Nội	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000
	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.800.000.000	4.800.000.000	-	-	4.800.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000	-	-	4.800.000.000
	Công ty CP Đường sắt Phía Nam	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-
	Các cổ phiếu khác	4.355.332.958	4.355.332.954	-	-	4.355.332.954	4.355.332.958	4.355.332.958	-	-	4.355.332.958
	Tổng	678.844.522.117	517.445.281.838	3.810.623.500	165.209.863.775	517.445.281.838	739.070.464.138	564.311.999.189	697.039.071.518	871.797.536.467	564.311.999.189

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ 01/01/2023
đến 30/06/2023**B09-CTCK****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.070.979.822	2.166.162.700
- Dự thu lãi cho vay margin	1.070.979.822	2.166.162.700
Trả trước cho người bán	3.146.506.259	3.049.896.259
- 3i Infotech Asia Pacific Pte Ltd	2.430.258.000	2.430.258.000
- Các khoản trả trước khác	716.248.259	619.638.259
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	6.411.855.246	6.664.355.246
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group	3.997.188.000	3.997.188.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	1.807.945.000	1.707.945.000
- Phải thu hoạt động tư vấn tài chính khác	606.722.246	959.222.246
Phải thu khác	5.627.454.940	5.867.946.443
- Sửa lỗi giao dịch chứng khoán	4.548.366.937	4.548.366.937
- Các đối tượng khác	1.079.088.003	1.319.579.506
Cộng	16.256.796.267	17.748.360.648

9. TẠM ỨNG

Số dư các khoản tạm ứng chủ yếu là những khoản tạm ứng cho nhân viên để thực hiện giao dịch thu mua cổ phần của các Công ty mục tiêu và thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo này, các hồ sơ hoàn ứng và tạm ứng chưa được hoàn thiện.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	386.207.087	237.987.372
- Công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí hỗ trợ phần mềm	386.207.087	237.987.372
Chi phí trả trước dài hạn	347.717.933	488.234.684
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	311.824.359	416.010.059
- Các chi phí khác	35.893.574	72.224.625
Cộng	733.925.020	726.222.056

11. CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	39.000.000	39.000.000
- Ký quỹ, ký cược	39.000.000	39.000.000
Cộng	39.000.000	39.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2023

đến 30/06/2023

B09-CTCK

12. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	494.938.176	494.938.176
- Tiền nộp bổ sung hàng năm	8.524.060.477	7.041.698.136
- Tiền lãi phân bổ hàng năm	6.765.885.932	6.765.885.932
Cộng	15.784.884.585	14.302.522.244

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2023	9.045.317.488	353.210.000	9.398.527.488
30/06/2023	9.045.317.488	353.210.000	9.398.527.488
HAO MÒN LUỸ KẾ			
01/01/2023	(4.755.846.514)	(353.210.000)	(5.109.056.514)
Khấu hao trong kỳ	(463.899.996)	-	(463.899.996)
30/06/2023	(5.219.746.510)	(353.210.000)	(5.572.956.510)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2023	4.289.470.974	-	4.289.470.974
30/06/2023	3.825.570.978	-	3.825.570.978

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là: 4.759.527.488 đồng (tại ngày 01/01/2023 là: 4.759.527.488 đồng).

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2023	7.589.276.652	1.439.889.000	7.208.802.172	16.237.967.824
30/06/2023	7.589.276.652	1.439.889.000	7.208.802.172	16.237.967.824
HAO MÒN LUỸ KẾ				
01/01/2023	(678.715.151)	(1.439.889.000)	(7.208.802.172)	(9.327.406.323)
Khấu hao trong kỳ	(419.938.086)	-	-	(419.938.086)
30/06/2023	(1.098.653.237)	(1.439.889.000)	(7.208.802.172)	(9.747.344.409)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2023	6.910.561.501	-	-	6.910.561.501
30/06/2023	6.490.623.415	-	-	6.490.623.415

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là: 9.010.103.824 đồng (tại ngày 01/01/2023 là: 8.698.563.722 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. DỰ PHÒNG SUY GIẢM CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Giá trị phải thu		Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	
	khó đòi Ngày 30/06/2023	VND	01/01/2023	VND
		VND		VND
1. Ứng trước người bán	2.851.886.235	2.851.886.235		2.851.886.235
- 3i Infotech Asia Pacific Pte Ltd	2.430.258.000	2.430.258.000		2.430.258.000
- Công ty TNHH MTV Phần mềm Bảo Thạch	195.000.000	195.000.000		195.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật - Thương mại Sao Việt	111.067.476	111.067.476		111.067.476
- Các đối tượng khác	115.560.759	115.560.759		115.560.759
2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	264.722.246	246.222.246	172.201.659.356	(69.364.154)
- Các đối tượng khác	264.722.246	246.222.246	18.500.000	-
3. Dự phòng các khoản phải thu khác	5.397.831.870	5.467.196.024		5.397.831.870
- Sửa lỗi giao dịch	4.548.366.937	4.548.366.937		4.548.366.937
- Các đối tượng khác	849.464.933	918.829.087		(69.364.154)
4. Tạm ứng	172.683.159.356	500.000.000	172.183.159.356	-
Cộng	181.197.599.707	9.065.304.505	344.384.818.712	(69.364.154)
				181.197.599.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

- Thuế và các khoản phải nộp**
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra
 - Thuế thu nhập cá nhân
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Thuế môn bài

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ cán trừ trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
	195.211.904	17.150.964	212.362.868	-
	1.562.415.666	8.561.593.535	9.891.315.642	232.693.559
	-	5.729.059.758	-	5.729.059.758
	-	4.000.000	4.000.000	-
	1.757.627.570	14.311.804.257	10.107.678.510	5.961.753.317

- Thuế và các khoản phải thu**
- Thuế giá trị gia tăng
 - Thuế thu nhập cá nhân
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp

	01/01/2023	Số phải thu trong kỳ	Số đã thực thu/ cán trừ trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
	-	9.999.999	-	9.999.999
	-	4.313.558.424	-	4.313.558.424
	9.702.825.228	-	9.702.825.228	-
	9.702.825.228	4.323.558.423	9.702.825.228	4.323.558.423

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023

đến 30/06/2023

B09-CTCK**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty TNHH Giải pháp phần mềm tài chính Công nghệ DTND	-	418.500.000
- Công ty TNHH Truyền thông ICON	46.788.359	46.788.359
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group	70.440.000	70.440.000
- Các đối tượng khác	91.151.613	136.151.613
Cộng	208.379.972	671.879.972

18. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Khách hàng cá nhân	685.812.479	733.217.837
- Công ty Cổ phần Châu Á Thái Bình Dương	-	175.000.000
- Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ	455.867.000	455.867.000
- Các khoản phải trả khác	73.583.415	202.110.487
Cộng	1.215.262.894	1.566.195.324

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cổ đông	30/06/2023		01/01/2023	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
- Ông Nguyễn Đỗ Lăng	118.724.400.000	14,3%	108.724.400.000	13,1%
- Các cổ đông khác	711.275.600.000	85,7%	721.275.600.000	86,9%
Cộng	830.000.000.000	100%	830.000.000.000	100%

19.2 LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối		
- Lợi nhuận đã thực hiện	107.150.372.289	254.361.642.621
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(129.119.392.223)	(139.806.771.959)
	(21.969.019.934)	114.554.870.662

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023

đến 30/06/2023

B09-CTCK**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	830.000.000.000	830.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	830.000.000.000	830.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

19.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.000.000	83.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	83.000.000	83.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	83.000.000	83.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.000.000	83.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	83.000.000	83.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20. THUYẾT MINH CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**20.1 CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH**

	30/06/2023 CP	01/01/2023 CP
- Cổ phiếu đang lưu hành	83.000.000	83.000.000
Cộng	83.000.000	83.000.000

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	291.386.200.000	307.509.270.000
Cộng	291.386.200.000	307.509.270.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023

đến 30/06/2023

B09-CTCK**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	217.358.190.000	217.358.190.000
Cộng	217.358.190.000	217.358.190.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	30.430.000	30.430.000
Cộng	30.430.000	30.430.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	65.038.130.000	62.320.630.000
Cộng	65.038.130.000	62.320.630.000

25. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	205.293.681.649	178.984.163.750
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	205.293.681.649	178.984.163.750
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	49.314.278	42.740.336
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	45.569.505	41.616.429
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	3.744.773	1.123.907
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	213.987.371	181.044.581
Cộng	205.556.983.298	179.207.948.667

26. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	205.342.995.927	179.026.904.086
- Nhà đầu tư trong nước	204.883.181.337	178.791.209.793
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	459.814.590	235.694.293
Cộng	205.342.995.927	179.026.904.086

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023

đến 30/06/2023

B09-CTCK**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.743.378.213	8.407.633.113
- Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay	7.794.364.087	9.601.082.900
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	598.092.752	428.297.776
- Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	345.283.610.712	108.657.025.601
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	1.759.013.697	-
- Doanh thu dịch vụ tư vấn tài chính	257.454.545	31.773.991.830
Cộng	360.435.914.006	158.868.031.220

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Chi phí lương và các khoản phúc lợi	7.078.476.752	7.863.643.192
- Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng	224.701.618	197.858.437
- Chi phí khấu hao TSCĐ	45.399.996	32.010.030
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
- Chi phí (hoàn nhập)/trích lập dự phòng	172.113.795.202	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	811.742.229	785.895.930
- Chi phí khác	912.957.612	1.453.699.264
Cộng	181.193.073.409	10.339.106.853

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(127.783.609.894)	(380.254.102.282)
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	158.125.788.736	447.218.184.061
- Trừ: (Lãi)/Lỗ chưa thực hiện	(13.359.224.670)	447.218.453.161
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(698.145.950)	(269.100)
- Cộng: Chi phí không được trừ	172.183.159.356	415.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	30.342.178.842	67.379.081.779
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.068.435.768	13.475.816.356

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023

đến 30/06/2023

B09-CTCK**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(136.523.890.596)	(304.286.228.005)
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	83.000.000	83.000.000
- Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	<u>(1.645)</u>	<u>(3.666)</u>

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:*

	Giá trị ghi sổ			
	30/06/2023			01/01/2023
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.936.274.058	-	160.685.729.956	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	517.445.281.838	-	564.311.999.189	-
Các khoản cho vay	115.034.960.542	(10.195.406.250)	179.162.860.374	(10.195.406.250)
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.070.979.822		2.166.162.700	
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	6.411.855.246	(264.722.246)	6.664.355.246	(246.222.246)
Các khoản phải thu khác	5.627.454.940	(5.397.831.870)	5.867.946.443	(5.467.196.024)
Cộng	<u>791.526.806.446</u>	<u>(15.857.960.366)</u>	<u>918.859.053.908</u>	<u>(15.908.824.520)</u>

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hoặc phát hành các công cụ tài chính phái sinh.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, giá trị thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết, đăng ký giao dịch của công ty là 313.029.713.980 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khác khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh bên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá cổ phần

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Vay và nợ	-	4.631.000.000	-	4.631.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	1.423.642.866	-	-	1.423.642.866
Chi phí phải trả	453.989.246	-	-	453.989.246
	1.877.632.112	4.631.000.000	-	6.508.632.112
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	-	4.631.000.000	-	4.631.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	2.238.075.296	-	-	2.238.075.296
Chi phí phải trả	1.719.957.207	-	-	1.719.957.207
	3.958.032.503	4.631.000.000	-	8.589.032.503



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023

đến 30/06/2023

B09-CTCK**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với bên liên quan:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam		
Đặt cọc hợp đồng mua trái phiếu	-	30.000.000.000
Thuê văn phòng	506.673.216	492.675.387
Cung cấp dịch vụ đại lý, tư vấn	100.000.000	8.599.950.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương		
Dịch vụ thu xếp vốn, tư vấn quản trị	230.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	27.869.429	-
Phải trả ngắn hạn khác	175.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group		
Cung cấp dịch vụ đại lý, tư vấn	-	4.316.943.380

Số dư với bên liên quan:

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương		
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	83.727.072.000	94.743.792.000
Phải thu khác ngắn hạn	-	27.869.429
Phải thu dịch vụ CTCK cung cấp	-	230.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Apec Group		
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	140.708.421.597	150.150.000.000
Phải thu dịch vụ CTCK cung cấp	3.997.188.000	3.997.188.000
Phải trả khác ngắn hạn	70.440.000	70.440.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam		
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	133.108.928.100	126.535.647.700
Phải thu dịch vụ CTCK cung cấp	1.807.945.000	1.707.945.000
Ông Phạm Duy Hưng		
Người mua trả tiền trước	-	374.590.320

Thù lao, thu nhập của Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị	1.044.881.319	970.921.103
Cộng	1.044.881.319	970.921.103

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2023

đến 30/06/2023

B09-CTCK

Chi tiết lương, thưởng Ban Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị		252.765.743
Phạm Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT Miễn nhiệm ngày 29/06/2023	252.765.743
Thu nhập của Ban Giám đốc		792.115.576
Nguyễn Đỗ Lăng	Tổng giám đốc - Thành viên HĐQT Miễn nhiệm ngày 29/06/2023	540.894.273
Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng giám đốc - Thành viên HĐQT	251.221.303
Cộng		1.044.881.319

34. THÔNG TIN KHÁC

34.1 THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC MỘT SỐ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT BỊ KHỞI TỐ VÀ BẮT TẠM GIAM PHỤC VỤ ĐIỀU TRA

Ngày 28/06/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với 05 bị can về tội “Thao túng thị trường Chứng khoán” đối với: Ông Nguyễn Đỗ Lăng – Tổng Giám đốc Công ty, Ông Phạm Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty, Bà Huỳnh Thị Mai Dung là Vợ của Ông Nguyễn Đỗ Lăng, Bà Nguyễn Thị Thanh – Kế toán trưởng Công ty và Bà Phạm Thị Đức Việt – Phó phòng dịch vụ khách hàng Công ty. Cơ quan chức năng đang trong quá trình điều tra và đến nay chưa có kết luận chính thức nào liên quan đến vụ án khởi tố nêu trên.

Công ty đã bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT, Phụ trách kế toán mới để duy trì hoạt động của Công ty từ 28/06/2023 đến nay. Tiếp theo, thông báo số 3166/TB-SGDHN ngày 21/09/2023 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc đưa cổ phiếu APS vào diện bị kiểm soát theo Quyết định số 964/QĐ-SGDHN ngày 21/09/2023 vì lý do: Công ty chậm nộp Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã được soát xét quá 30 ngày so với thời hạn quy định (hiệu lực từ ngày 25/09/2023).

Tại ngày 30/06/2023, Công ty đang ghi nhận giá trị mã cổ phiếu API là 83,7 tỷ đồng và mã cổ phiếu IDJ là 133,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, các mã chứng khoán trên của Công ty hiện không giao dịch được theo yêu cầu của Cơ quan chức năng.

Ngoài các sự kiện đã nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có thêm sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2023

đến 30/06/2023

B09-CTCK

34.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét.



Nguyễn Thu Phương
Người lập biểu



Lê Thị Quy
Phụ trách kế toán



Nguyễn Đức Quân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2023

